TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 1146/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 04/11/2019
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Ông Hoàng Văn Định
2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa : Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 684/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 253/2019/QĐXX-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 302/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Bà Phạm Thị Ngọc P sinh năm 19xx.
Địa chỉ : số 111/2 đường M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú : số 222/33 đường Q, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn : Ông Lê Thành N sinh năm 19xx.
Địa chỉ : số 111/2 đường M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 23/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc P trình bày : bà và ông Lê Thành N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/ĐKK-TP, quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh CT cấp ngày dd/mm/yyyy. Quá trình chung sống có hai con chung tên Lê Đức H sinh ngày dd/mm/yyyy và Lê Mỹ L sinh ngày dd/mm/yyyy. Thời gian đầu chung sống bình thường, nhưng sau đó hai vợ chồng không hợp nhau, không phù hợp quan điểm sống, cách sống, bất đồng ý kiến. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều

lần nhưng không có kết quả, hai bên đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, bà xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có hai con chung tên Lê Đức H sinh ngày dd/mm/yyyy và Lê Mỹ L sinh ngày dd/mm/yyyy đã trưởng thành.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn ông Lê Thành N trình bày: ông và bà Phạm Thị Ngọc P tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hai con chung tên Lê Đức H sinh ngày dd/mm/yyyy và Lê Mỹ L sinh ngày dd/mm/yyyy. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 ông mở quán kinh doanh ăn uống nên giữa ông và bà P phát sinh mâu thuẫn, bà P đã dọn ra ngoài thuê nhà ở từ đó đến nay. Trong quá trình sống riêng ông vẫn lo cho các con ăn học. Ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: có hai con chung tên Lê Đức H sinh ngày dd/mm/yyyy và Lê Mỹ L sinh ngày dd/mm/yyyy đã trưởng thành.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung đã trưởng thành; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Bị đơn ông Lê Thành N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :*

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Thành N có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại Quận Y, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: bị đơn ông Lê Thành N đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Ngọc P và ông Lê Thành N.

[2]. *Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy :*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01/ĐKK-TP, quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 10/01/1994 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc P và ông Lê Thành N là hợp pháp.

[2.1]. *Xét yêu cầu ly hôn :*

- Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Ngọc P xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà đã dọn ra ngoài sống từ năm 2006 đến nay hai bên không thể hòa giải để hàn gắn hạnh phúc chứng tỏ vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng.

- Căn cứ kết quả xác minh tại Công an Phường 5, Quận 3 và Biên bản làm việc tại tổ dân phố 1, khu phố 1, Phường 5, Quận 3 thì hiện ông N đang cư trú tại địa phương, bà P và ông N đã xảy ra mâu thuẫn gây gỗ nhau sau đó bà P đi chỗ khác ở tuy nhiên địa phương không rõ nội dung mâu thuẫn giữa hai bên là gì. Từ căn cứ trên cho thấy lời khai của bà P là phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án.

Tuy ông N trình bày vẫn còn tình cảm và muốn đoàn tụ gia đình nhưng ông cũng thừa nhận bà P và ông không còn chung sống từ năm 2006 đến nay. Lời thừa nhận của ông N cho thấy vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án hòa giải với bà P để đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa bà P và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2]. Về con chung : đã trưởng thành.

[2.3].Về tài sản : các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí : căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc P.

- *Về quan hệ hôn nhân :* bà Phạm Thị Ngọc P được ly hôn với ông Lê Thành N.

- *Về con chung :* đã trưởng thành.

- *Về tài sản :* không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí : bà Phạm Thị Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014351 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Phạm Thị Ngọc P và ông Lê Thành N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- *TAND Tp. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND Quận 3;*
- *Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Minh Thảo